

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 249 /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2025

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: C
	Ngày: 23/9/2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định cơ chế, chính sách thu hút, gồm: tiêu chí; quy trình tuyển chọn; quyền và nghĩa vụ; trách nhiệm; đánh giá; chính sách đối với chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Nghị định này không áp dụng đối với Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng quy định tại Nghị định số 231/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển chọn, sử dụng Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, Tổng công trình sư quy định tại Nghị định số 103/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định một số chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt và chế độ, chính sách đối với người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đáp ứng tiêu chí chuyên gia quy định tại Nghị định này được đề cử, ứng cử, lựa chọn làm chuyên gia.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và địa phương, lực lượng vũ trang và doanh nghiệp được giao chủ trì thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khác có liên quan.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1 **TIÊU CHÍ, QUY TRÌNH TUYỂN CHỌN; QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ; TRÁCH NHIỆM; ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA CHUYÊN GIA**

Điều 3. Tiêu chí tuyển chọn chuyên gia

1. Chuyên gia quy định tại Nghị định này là người có kiến thức, trình độ, kinh nghiệm nghiên cứu trong một hoặc nhiều lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Tiêu chí chung:

a) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ưu tiên các ngành công nghệ chiến lược trong danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược do cấp có thẩm quyền ban hành, có đóng góp thiết thực cho sự phát triển của quốc gia, khu vực và quốc tế;

b) Có lý lịch rõ ràng, có đạo đức tốt;

c) Có mong muốn cống hiến cho sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Việt Nam.

3. Đồng thời đáp ứng một trong các tiêu chí cụ thể sau đây:

a) Là tác giả hoặc đồng tác giả sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đã được ứng dụng, chuyển giao tạo ra sản phẩm có giá trị thực tiễn; hoặc có chuyên môn sâu, giàu kinh nghiệm trong ngành, lĩnh vực phù hợp với nhiệm vụ thực hiện tại Việt Nam và đang công tác tại bộ phận nghiên cứu của viện nghiên cứu, trường đại học hoặc doanh nghiệp uy tín ở nước ngoài;

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ xuất sắc, đã đạt giải thưởng quốc tế hoặc đã được ứng dụng rộng rãi mang lại hiệu quả thiết thực và phù hợp với chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số dự kiến tham gia;

c) Có bằng tiến sĩ từ các trường đại học trong nhóm 200 đại học hàng đầu thế giới theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín và có thời gian tối thiểu 05 năm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ tại cơ sở nghiên cứu, đào tạo có uy tín ở nước ngoài thuộc chuyên ngành phù hợp với chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số dự kiến tham gia;

d) Có bằng tiến sĩ và đã có ít nhất 05 năm làm việc tại vị trí nghiên cứu khoa học trong chương trình, dự án hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ hoặc trong bộ phận nghiên cứu của doanh nghiệp có uy tín ở nước ngoài;

đ) Có tối thiểu 10 bài báo quốc tế đăng trên các tạp chí danh tiếng hoặc là thành viên hội đồng khoa học của các tạp chí uy tín hoặc tham gia hướng dẫn thành công ít nhất 02 nghiên cứu sinh tiến sĩ;

e) Trường hợp ứng viên không đáp ứng tiêu chí quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tuyển chọn chuyên gia quyết định việc tuyển chọn chuyên gia triển khai thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và chịu trách nhiệm về quyết định đó.

Điều 4. Quy trình tuyển chọn chuyên gia

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số công bố nhu cầu tuyển chọn chuyên gia; bao gồm: vị trí chuyên gia, yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chí, thời hạn tiếp nhận hồ sơ.

2. Việc tuyển chọn chuyên gia đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 3 Nghị định này thực hiện theo cơ chế đề cử, ứng cử như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tuyển chọn chuyên gia chủ động tìm kiếm, phát hiện ứng viên;

b) Cá nhân tự ứng cử;

c) Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài đề cử ứng viên;

d) Các cơ quan, tổ chức, chuyên gia trong và ngoài nước đề cử ứng viên.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đề cử và ứng viên tự ứng cử gửi hồ sơ đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tuyển chọn chuyên gia, thành phần hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề cử hoặc tự ứng cử;

b) Lý lịch khoa học (trong đó nêu rõ năng lực chuyên môn, kinh nghiệm, thành tích nổi bật) của ứng viên;

c) Dự thảo kế hoạch, đề án triển khai chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo yêu cầu của vị trí chuyên gia.

4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tuyển chọn chuyên gia kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp ứng viên đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 3 Nghị định này thì có thư mời ứng viên đến ký hợp đồng lao động; trường hợp cần thiết thì phỏng vấn trước khi ký hợp đồng lao động.

5. Hợp đồng lao động có thời hạn đối với chuyên gia phải ghi rõ nội dung nhiệm vụ; thời hạn làm việc; cơ chế làm việc; quyền và nghĩa vụ; trách nhiệm; chế độ, chính sách; chấm dứt hợp đồng; cơ chế giải quyết tranh chấp (nếu có) và các nội dung khác có liên quan.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của chuyên gia

Chuyên gia có quyền và nghĩa vụ của cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 51 và Điều 52 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Ngoài ra, căn cứ yêu cầu của vị trí được giao đảm nhiệm, chuyên gia được thực hiện một số quyền và nghĩa vụ ghi trong hợp đồng lao động:

1. Được quyết định vấn đề kỹ thuật, công nghệ và giải quyết vướng mắc kỹ thuật thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao;

2. Được chủ động lựa chọn và đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều động nhân lực khoa học, công nghệ; tổ chức khoa học, công nghệ tham gia thực hiện nhiệm vụ; được chủ động lựa chọn, sử dụng nhân lực trong phạm vi nhiệm vụ được giao;

3. Được chủ động quyết định sử dụng kinh phí, nguồn lực được giao, bao gồm cả việc sử dụng kinh phí để mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài cần thiết, bí quyết công nghệ với giá thỏa thuận;

4. Được tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí khảo sát, trao đổi khoa học với nhà khoa học nước ngoài để cập nhật công nghệ mới;

5. Các quyền, nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 6. Trách nhiệm của chuyên gia

1. Tuân thủ pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế có liên quan; bảo vệ thông tin, dữ liệu về chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phạm vi nhiệm vụ được giao theo quy định

của pháp luật. Chịu trách nhiệm cá nhân nếu vi phạm nghĩa vụ hợp đồng lao động đã ký kết gây tổn thất về tài chính, làm thất thoát tài sản, hư hại sản phẩm hoặc làm lộ thông tin, tài liệu bí mật nhà nước.

2. Tôn trọng văn hóa, phong tục, tập quán của Việt Nam.

3. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu chuyên môn, tính trung thực, khách quan và tinh thần trách nhiệm trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Điều 7. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của chuyên gia

1. Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của chuyên gia do cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực hiện theo định kỳ hằng năm hoặc sau mỗi giai đoạn triển khai nhiệm vụ.

2. Tiêu chí đánh giá:

- a) Tiến độ triển khai nhiệm vụ theo hợp đồng lao động;
- b) Số lượng và chất lượng sản phẩm đầu ra theo hợp đồng lao động;
- c) Đề xuất, sáng kiến, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
- d) Năng lực điều phối, kết nối, xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ;
- đ) Ý thức trách nhiệm, tinh thần cống hiến, phối hợp trong công việc.

3. Kết quả đánh giá được sử dụng là cơ sở để cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tuyển chọn chuyên gia thực hiện chế độ, chính sách hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với chuyên gia.

Mục 2

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CHUYÊN GIA

Điều 8. Tiền lương, tiền thưởng, điều kiện làm việc và chế độ phúc lợi đối với chuyên gia

1. Tiền lương được thỏa thuận trong hợp đồng lao động đối với chuyên gia, bảo đảm tương xứng với nhiệm vụ được giao và phù hợp với mặt bằng tiền lương trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tương ứng trên thị trường lao động.

2. Tiền thưởng hằng năm do cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quyết định trên cơ sở kết quả đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được giao, tối đa 04 tháng tiền lương ghi trong hợp đồng lao động.

3. Tiền thưởng thu được từ việc cho thuê, bán, chuyển nhượng, chuyên giao quyền sử dụng, tự khai thác, sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khi góp vốn, hợp tác, liên doanh, liên kết, kinh doanh dịch vụ hoặc thành lập doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 28 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Hỗ trợ ban đầu 01 tháng lương ghi trong hợp đồng lao động để ổn định chỗ ở, di chuyển, mua sắm thiết yếu.

5. Được hỗ trợ tiền thuê nhà, phương tiện đi lại hoặc cung cấp căn hộ tiêu chuẩn, phương tiện đi lại trong thời gian làm chuyên gia.

6. Được chi trả kinh phí đi nghiên cứu, trao đổi khoa học ở nước ngoài khi được cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cử theo yêu cầu nhiệm vụ.

7. Chăm sóc y tế, nghỉ dưỡng và nghỉ phép trong năm:

a) Được cung cấp gói chăm sóc sức khỏe tự nguyện theo năm không quá 01% tiền lương một năm ghi trong hợp đồng lao động;

b) Hằng năm, được hưởng 07 ngày nghỉ dưỡng trong nước và được hỗ trợ kinh phí tối đa 01 tháng lương ghi trong hợp đồng lao động cho bản thân cùng thành viên gia đình (bao gồm vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi);

c) Được nghỉ phép theo quy định của pháp luật về lao động, được chi trả kinh phí vé máy bay khứ hồi 01 lần/năm cho chuyên gia cùng thành viên gia đình (bao gồm vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi) về nước.

8. Về tôn vinh, khen thưởng:

a) Được tôn vinh hoặc ghi nhận sự đóng góp của chuyên gia khi chính thức nhận nhiệm vụ tại Việt Nam và khi kết thúc và hoàn thành nhiệm vụ ghi trong hợp đồng lao động;

b) Được lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước gặp mặt, biểu dương, nghe báo cáo kiến nghị, đề xuất; được tham gia các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

c) Được khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng; được nhận danh hiệu, giải thưởng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong nước và nước ngoài, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Chính sách đối với chuyên gia sau khi kết thúc và hoàn thành nhiệm vụ

1. Chuyên gia là người nước ngoài nếu có nguyện vọng được giảm điều kiện khi xem xét cho nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật.
2. Chuyên gia có quốc tịch Việt Nam có nhu cầu vào làm công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về công chức, viên chức thì cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định tiếp nhận vào vị trí việc làm; được xem xét bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội mà không nhất thiết bảo đảm điều kiện về độ tuổi, chức danh quy hoạch, trình độ lý luận chính trị, thời gian giữ chức vụ liên kế.

Điều 10. Chính sách đối với thành viên gia đình chuyên gia

Ngoài chính sách được hưởng cùng với chuyên gia quy định tại điểm b, điểm c khoản 7 Điều 8 Nghị định này, thành viên gia đình chuyên gia (bao gồm: Vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi) khi ở Việt Nam còn được hưởng các chính sách sau:

1. Được hỗ trợ tìm trường học và hỗ trợ học phí cho con dưới 18 tuổi trong các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập.
2. Được cung cấp gói chăm sóc sức khỏe tự nguyện cho gia đình theo năm không quá 01% tiền lương một năm ghi trong hợp đồng lao động của chuyên gia.
3. Được hỗ trợ giới thiệu, tạo điều kiện tiếp cận cơ hội việc làm phù hợp theo quy định của Bộ luật Lao động và quy định của pháp luật khác có liên quan.
4. Được cấp thị thực nhiều lần, thẻ tạm trú tương ứng với thời gian làm việc của chuyên gia (nếu có).

Điều 11. Chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân đề cử chuyên gia

Sau 12 tháng kể từ thời điểm ký hợp đồng lao động, nếu chuyên gia đáp ứng yêu cầu chương trình, nhiệm vụ được giao thì cơ quan, tổ chức, cá nhân đề cử chuyên gia được thưởng 01 tháng lương ghi trong hợp đồng lao động của chuyên gia.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Kinh phí thực hiện

Kinh phí chi trả chế độ, chính sách tại Nghị định này được bố trí trong kinh phí thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Điều 13. Điều khoản áp dụng

1. Chuyên gia quy định tại Nghị định này thuộc đối tượng áp dụng quy định tại các văn bản khác có chế độ, chính sách thấp hơn chính sách quy định tại Nghị định này thì áp dụng chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này để thỏa thuận cho phù hợp.

2. Chuyên gia quy định tại Nghị định này đủ điều kiện hưởng nhiều chế độ, chính sách quy định tại các văn bản khác nhau thì chỉ được hưởng một chế độ, chính sách cao nhất.

Điều 14. Trách nhiệm thực hiện

1. Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền danh mục công nghệ chiến lược;

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Bộ Nội vụ:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này;

b) Thực hiện hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho chuyên gia, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Bộ Ngoại giao chỉ đạo các cơ quan thuộc thẩm quyền quản lý phát triển các chương trình tìm kiếm, thu hút và hỗ trợ chuyên gia để đề cử đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tuyển chọn chuyên gia.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo ưu tiên cử công dân Việt Nam đi đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài bằng các chương trình học bổng mà Bộ quản lý để phát triển đội ngũ chuyên gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5. Bộ Tài chính có trách nhiệm cân đối, đề xuất bố trí ngân sách nhà nước hàng năm cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

6. Bộ Công an:

a) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra và giám sát công tác bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng, an ninh, an toàn thông tin trong quá trình triển khai các chương trình, nhiệm vụ có sử dụng bí mật nhà nước; tập huấn, hướng dẫn các quy trình kỹ thuật bảo mật, phân loại tài liệu và xử lý sự cố an ninh mạng cho các đơn vị tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ đặc biệt quan trọng; thực hiện biện pháp nghiệp vụ bảo đảm an ninh, an toàn cá nhân và dữ liệu cho chuyên gia;

b) Đề xuất chính sách ưu đãi về thị thực và tạm trú đối với chuyên gia quy định tại Nghị định này.

7. Bộ Quốc phòng kiểm tra việc thực hiện các quy định về an ninh kỹ thuật, hệ thống tích hợp công nghệ quốc phòng, dữ liệu quân sự, nền tảng mật mã, vệ tinh, truyền thông bảo mật.

8. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền việc nhập quốc tịch Việt Nam đối với chuyên gia là người nước ngoài có thành tích cống hiến trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.

9. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Xây dựng, đề xuất chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cần tuyển chọn chuyên gia;

b) Cung cấp đầy đủ dữ liệu, hồ sơ, thông tin liên quan đến chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; bố trí nguồn lực, tạo điều kiện để chuyên gia thực hiện; phối hợp xử lý các vướng mắc kỹ thuật, pháp lý, tài chính theo đề xuất của chuyên gia;

c) Thanh tra, kiểm tra, giám sát các chương trình, nhiệm vụ, dự án có sử dụng chuyên gia; định kỳ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ của chuyên gia trong phạm vi lĩnh vực, địa phương quản lý trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, đồng thời gửi Bộ Nội vụ để theo dõi.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

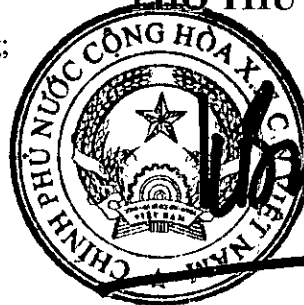
Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2). 70

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Hòa Bình